Cơ quan: Sở Nội vụ
Thời gian ký: 15.06.2023 14:09:06 +07:00

34UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78 /BC-SNV

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023 và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 của tỉnh Bình Dương

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh Bình Dương. Tỉnh Bình Dương báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật đối với công tác cải cách hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 22 tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021–2025 và Kế hoạch CCHC của năm 2023. Theo đó, Tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm là: "Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành CCHC; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số", tập trung khắc phục những hạn chế, thiếu sót, đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để cải thiện mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Trong 06 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2023[1].

---

[1] - Kế hoạch số 6991/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 về công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Dương năm 2023.
- Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về phê duyệt danh sách công chức, viên chức và nhân sự của các sở, ban, ngành cử làm việc ở Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.
- Quyết định số 3890/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương
- Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về phê duyệt Kế hoạch truyền thông hoạt động cải cách, kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh.
- Công văn số 6852/UBND-HCC ngày 27/12/2022 về số hóa kết quả giải quyết TTHC.

Ngày 17/5/2023, tỉnh đã tổ chức hội nghị công bố kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2022 (par index 2022) của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương; triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm công tác CCHC và giải pháp nâng cao chỉ số CCHC năm 2023.

Triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai quy trình khung và xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC và Kế hoạch xây dựng, ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh với mục tiêu đảm bảo 100% quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và

- Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về phê duyệt danh sách công chức, viên chức và nhân sự của các sở, ban, ngành cử làm việc ở Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.
- Công văn số 275/UBND-HCC ngày 19/01/2023 về việc chỉ đạo việc triển khai quy trình khung và xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC.
- Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về phê duyệt Kế hoạch truyền thông hoạt động cải cách, kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh.
- Kế hoạch số 621/KH-UBND ngày 15/02/2023 về xây dựng, ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 13/02/2023 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- Công văn số 914/UBND-HCC ngày 06/3/2023 về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.
- Công văn số 1033/UBND-HCC ngày 13/3/2023 về việc phương án sắp xếp, bố trí lại không gian Trung tâm Hành chính công tỉnh.
- Công văn số 1197/UBND-HCC ngày 22/3/2023 về việc tập trung triển khai các nhiệm vụ cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 về việc kiện toàn thành viên Tổ đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử.
- Công văn số 2310/UBND-HCC ngày 17/5/2023 về việc rà soát danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện DVC trực tuyến và không nhận hồ sơ giấy.
- Công văn số 2450/UBND-HCC ngày 26/5/2023 về việc khẩn trương gửi danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện DVC trực tuyến, không nhận hồ sơ giấy và đề xuất các nội dung liên quan.
- Kế hoạch số 593/KH-UBND ngày 13/02/2023 về việc nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Bình Dương năm 2023 và các năm tiếp theo.
- Kế hoạch số 676/KH-UBND ngày 20/02/2023 triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Kế hoạch số 621/KH-UBND ngày 15/02/2023 về xây dựng, ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 275/UBND-HCC ngày 19/01/2023 về việc chỉ đạo việc triển khai quy trình khung và xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC.
- Công văn số 6852/UBND-HCC ngày 27/12/2022 về số hóa kết quả giải quyết TTHC.
- Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 13/02/2023 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

UBND cấp xã có liên quan đến người dân, doanh nghiệp được xây dựng và triển khai.

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện số hóa 100% kết quả giải quyết TTHC từ ngày 01/01/2023 nhằm đẩy mạnh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP. Đồng thời, chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị triển khai, tập huấn về công tác số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC.

Tỉnh đã thành lập Tổ đánh giá Bộ chỉ số 766 và kiện toàn thành viên Tổ vào ngày 10/5/2023. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ nhằm cải thiện kết quả đánh giá Bộ Chỉ số 766. Tháng 12/2022 và tháng 2/2023 Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Dương mời Cục trưởng Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ cùng các chuyên gia đầu ngành của Cục Kiểm soát TTHC để triển khai, quán triệt về cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số cho Ban chấp hành tỉnh, Đảng bộ tỉnh Bình Dương, Lãnh đạo các sở ngành, Bí thư, Phó bí thư, Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ giải quyết một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Bộ chỉ số 766.

Tiếp tục triển khai ý kiến chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy về triển khai dịch vụ công (DVC) trực tuyến đủ điều kiện thực hiện toàn trình, một phần và DVC trực tuyến đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1 từ ngày 01/6/2023. Chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã căn cứ danh mục DVC trực tuyến đủ điều kiện và DVC trực tuyến đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy để triển khai thực hiện cho hiệu quả, đảm bảo theo đúng quy định. Định kỳ rà soát để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chuẩn hóa, điều chỉnh, thay thế, bổ sung cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến (nhất là nghĩa vụ tài chính liên quan lĩnh vực đất đai).

UBND tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã đã kịp thời phê duyệt, kiện toàn nhân sự một cửa tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (gồm nhân sự chính thức và nhân sự dự phòng) đúng theo tiêu chuẩn, trình độ của Trung ương và tỉnh quy định, đảm bảo hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả của Bộ phận Một cửa các cấp được liên tục, thông suốt.

Ngoài ra, chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh ban hành các văn bản[2] hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, trọng tâm

---

[2]

- Công văn số 2559/VPUB-T766 ngày 16/12/2022 về nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao kết quả Bộ chỉ số 766 đến 31/12/2022.
- Công văn số 2679/VPUB-HCC ngày 30/12/2022 về việc phương thức sử dụng thông tin công dân khi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú có giá trị đến hết ngày 31/12/2022.
- Công văn số 83/VPUB-HCC ngày 12/01/2023 về việc góp ý Kế hoạch xây dựng, ban hành quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 106/VPUB-HCC ngày 17/01/2023 về kết quả đánh giá công chức, viên chức một cửa tại Trung tâm Hành chính công tỉnh năm 2022.

là triển khai các phương thức sử dụng thông tin công dân thay thế việc yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện và Bộ phận Một cửa cấp xã từ ngày 01/01/2023.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 6991/KH-UBND về công tác CCHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Với mục đích: Triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp công tác cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; cụ thể hóa Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Kế hoạch CCHC năm 2023 trên của tỉnh đã xác định 56 nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai thực hiện trong năm 2023. Tính đến tháng 3 năm 2023, Tỉnh đã thực hiện hoàn thành 29/56 nhiệm vụ, đạt 51.79% kế hoạch đề ra (có nhiều nhiệm vụ đang triển khai và chưa hoàn thành vì thực hiện trong cả năm 2023).

Căn cứ Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng và ban hành Kế hoạch của đơn vị, địa phương mình đảm bảo đầy đủ các nội dung trọng tâm công tác CCHC. Đến nay, 100% các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2023.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC

Ngày 20/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Kế hoạch số 1915/KH-UBND về Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023. theo đó, sẽ kiểm tra đốivới 12 đơn vị.

Ngoài việc kiểm tra về công tác cải cách hành chính chung, theo kế hoạch Đoàn kiểm tra cũng sẽ tổ chức kiểm tra lồng ghép, kết hợp với kiểm tra tình hình áp dụng, duy trì, mở rộng, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và chuẩn hóa thủ tục hành chính theo quy trình ISO.

- Báo cáo số 109/BC-VPUB ngày 18/01/2023 về kết quả triển khai đánh giá công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp năm 2022.
- Báo cáo số 121/BC-VPUB ngày 19/01/2023 về kết quả kiểm tra hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 356/VPUB-HCC ngày 27/02/2023 về việc thanh toán TTHC qua tài khoản của từng cá nhân, đơn vị.
- Công văn số 576/VPUB-HCC ngày 27/3/2023 về việc hướng dẫn xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.

Theo Kế hoạch, Đoàn Kiểm tra CCHC của tỉnh sẽ kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh từ đầu tháng 7 đến hết tháng 9 năm 2023.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính đã được tỉnh ban hành lồng ghép trong Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2023. Cụ thể trong 6 tháng đầu năm 2023:

- Đài phát thanh truyền hình Bình Dương, đã xây dựng và phát sóng 21 chương trình về cải cách hành chính (12p/1 chương trình), và các phóng sự, tọa đàm, tin tức hoạt động, sự kiện liên quan đến công tác cải cách hành chính cụ thể như: Bình Dương ra mắt ứng dụng Bình Dương số phục vụ người dân, doanh nghiệp; Bình Dương triển khai hiệu quả Đề án 06, phục vụ quá trình chuyển đổi số; Bình Dương định hướng CCHC trong năm 2023; Bình Dương tập trung xây dựng chính quyền kiến tạo; Kế hoạch CCHC Bình Dương năm 2023; CCHC thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; CCHC ở xã An Thái – huyện Phú Giáo; Bình Dương nâng cao chỉ số chuyển đổi số; xã Phước Sang quyết tâm thực hiện tốt công tác CCHC ở địa phương; Bình Dương đẩy mạnh ứng dụng số trong CCHC; Thanh niên xung kích tình nguyện tham gia CCHC; CCHC ở Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Dương; Chuyển đổi số ở Bảo hiểm Xã hội tỉnh Bình Dương; Xã Thạnh Hội với công tác CCHC; Xã phước sang quyết tâm thực hiện tốt công tác cchc ở địa phương; Bình Dương tiếp tục xếp hạng thứ hai cả nước về chỉ số PAPI; Xã Phước Hòa với mô hình "Công sở thân thiện vì nhân dân phục vụ"; Hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; Xây dựng chính quyền cơ sở gần dân, trọng dân trong CCHC; Bình Dương nỗ lực nâng cao chỉ số CCHC ở các sở ban ngành và cơ sở địa phương.

- Báo Bình Dương đã tuyên truyền 126 tin, bài, clip trên báo in và báo điện tử; duy trì chuyên trang CCHC ra ngày thứ năm hàng tuần, trang hành chính công mỗi tháng 1 số báo; 5 phóng sự, giao lưu trực tuyến trên Báo Bình Dương điện tử. Nội dung tuyên truyền tập trung vào việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại cấp tỉnh, huyện, xã; chuyển đổi số trong CCHC, giải quyết TTHC trên nền tảng số, qua Cổng DVCQG và của tỉnh; phản ánh các cách làm hay tại các địa phương; tiếp tục xây dựng mô hình "Chính quyền, công sở thân thiện"; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cải cách TTHC, như: Triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện giải quyết trên Cổng DVCQG và Cổng thông tin điện tử của tỉnh nhằm tiến tới xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số ở Bình Dương... Nhiều bài viết đã phản ánh kịp thời những thông tin liên quan về công tác CCHC của tỉnh, ở các huyện, thị, thành phố, xã, phường, thị trấn, tạo niềm tin giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan hành chính Nhà nước, nhất là các bài viết phản ánh những khó khăn trong giai đoạn đầu CĐS, giải quyết TTHC trên môi trường mạng...

- Cổng thông tin điện tử tỉnh cũng đã đăng tải những tin tức, hình ảnh về các hoạt động cải cách hành chính.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Trong 5 tháng đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh được giao 81 nhiệm vụ trên hệ thống, đã triển khai 81/81 nhiệm vụ, trong đó đã hoàn thành 65 nhiệm vụ, đạt 80,25%. Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh đang tập trung đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện 16 nhiệm vụ còn lại (đang trong thời hạn được giao).

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 81.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 65.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: 0.

- Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh triển khai thực hiện tốt Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023 cơ bản đi vào nề nếp. Đến ngày 05/6/2023, tỉnh Bình Dương hành 21 văn bản QPPL (04 Nghị quyết và 17 Quyết định). Các văn bản QPPL được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo được tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Các chủ trương chính sách của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã được thể chế hóa bằng Nghị quyết, Quyết định QPPL một cách kịp thời, đồng bộ với chính sách của các bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của chính quyền địa phương bằng pháp luật, tác động tích cực đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong công tác; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh thực hiện góp ý, thẩm định 75 lượt văn bản QPPL (giảm 32,4% so với cùng kỳ năm 2022). Cụ thể: thẩm định 19 văn bản QPPL (giảm 08 văn bản so với cùng kỳ năm 2022); góp ý 31 dự thảo văn bản QPPL QPPL (giảm 44 văn bản so với cùng kỳ năm 2022) và 25 dự thảo văn bản cá biệt (giảm 15 văn bản so với cùng kỳ năm 2022), đạt 100% văn bản gửi đến Sở Tư pháp.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

- Về tổ chức thi hành pháp luật:

Nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh phải thường xuyên quan tâm, tổ chức

tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tập huấn, giải thích quy định của các văn bản pháp luật mới được ban hành đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật. Ban hành Kế hoạch số 480/KH-UBND ngày 09/02/2023 phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2020)* và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch UBND tỉnh danh mục quyết định của UBND quy định chi tiết các Luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 4 và Sở Tư pháp đã có văn bản thông báo đến UBND cấp huyện nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết.

- Về theo dõi thi hành pháp luật:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 19/01/2023 theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Căn cứ kế hoạch của tỉnh, các sở, ngành tỉnh và địa phương cấp huyện đã ban hành kế hoạch để triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật tại ngành, địa phương mình.

Theo Kế hoạch đề ra, UBND tỉnh tiến hành các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật như: Rà soát các văn bản QPPL do Trung ương và HĐND, UBND tỉnh ban hành có liên quan đến thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 theo các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ quốc hội và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; rà soát văn bản pháp luật do Trung ương và HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh phổ biến, giáo dục pháp luật (lĩnh vực trọng tâm của ngành tư pháp năm 2023). Báo cáo tổng kết 05 năm triển khai thực hiện "Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật" giai đoạn 2018-2022.

Thực hiện nhiệm vụ về cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng Chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1): UBND tỉnh đã báo cáo kết quả thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1 năm 2023.

c) Kết quả tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Trong 06 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 480/KH-UBND ngày 09/02/2023 về PBGDPL, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 và các kế hoạch thực hiện một số Đề án, chuyên đề trong

công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023, tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở[3].

Với vai trò là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, Sở Tư pháp đã tham mưu Hội đồng ban hành Kế hoạch số 303/KH-HĐPH ngày 22/02/2023 và văn bản chỉ đạo phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội thông qua, triển khai một số nhiệm vụ PBGDPL dịp Tết Quý Mão năm 2023; tổ chức tổng kết hoạt động năm 2022 và triển khai công tác năm 2023 của Hội đồng; Kế hoạch tổ chức cuộc thi "Tìm hiểu pháp luật trên Internet" của tỉnh Bình Dương năm 2023[4].

Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng[5], tuyên truyền pháp luật trực tiếp cho hơn 700 người đồng bào dân tộc thiểu số; các Phòng Tư pháp địa phương tập huấn kỹ năng hòa giải cho hơn 2.000 hòa giải viên ở cơ sở; biên soạn và in ấn, cấp phát 78.000 tờ gấp pháp luật và 1.500 tài liệu khác như sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn tiếp cận pháp luật, cuốn cẩm nang Hôn nhân gia đình v.v.

Tư pháp cấp huyện, cấp xã đã thực hiện tốt công tác tham mưu UBND cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Các Phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức 2.143 cuộc tuyên truyền pháp luật trực tiếp, có 110.668 lượt người tham dự; phát thanh trên các phương tiện thông tin đại chúng được 8.644 giờ; cấp phát 261 sách tuyên truyền pháp luật, 238.720 tờ gấp pháp luật; 131 băng rôn, tờ phướn; tổ chức 632 cuộc sinh hoạt Ngày pháp luật, có 29.752 người tham dự; tổ chức 04 cuộc thi tìm hiểu pháp luật thu hút 813 lượt người tham gia.

Tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư; Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy[6], UBND tỉnh Bình Dương đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL bảo đảm phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng, địa bàn; tổ chức triển khai công tác PBGDPL toàn diện, rộng khắp, hướng mạnh về cơ sở, phù hợp với đối tượng,

---

[3] Kế hoạch số 982/KH-UBND ngày 09/3/2023 thực hiện Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL giai đoạn 2022-2027"; Kế hoạch số 983/KH-UBND ngày 09/3/2023 thực hiện quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Kế hoạch số 984/KH-UBND ngày 09/3/2023 thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn"; Kế hoạch số 2365/KH-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;

[4] Kế hoạch số 986/KH-HĐ ngày 30/5/2023 của Hội đồng PHPBGDPL về việc tổ chức Cuộc thi "tìm hiểu pháp luật trên internet" của tỉnh Bình Dương năm 2023

[5] Thực hiện 26 chương trình *"Tư* vấn pháp luật trực tiếp" trên sóng phát thanh 92,5MHZ; thông tin văn bản mới, hỏi đáp pháp luật hàng tuần trên Trang thông tin pháp luật của Báo Bình Dương; 26 chương trình "Người dân với pháp luật" phát hàng tuần thông qua Đài truyền thanh 09 huyện, thị xã và hệ thống loa truyền thanh cơ sở của 91 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; 06 chương trình "Pháp luật và đời sống" trên Báo Bình Dương online.

[6] Công văn 3063 – CV/TU ngày 25/8/2020 của Tỉnh ủy về việc triển khai Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 5820/KH-UNND ngày 30/11/2020 về thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

địa bàn cụ thể gắn với việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kịp thời thực hiện các Chương trình, Đề án về PBGDPL trong giai đoạn tiếp theo; tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải cơ sở trên địa bàn tỉnh; tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL; huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác PBGDPL; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác PBGDPL,..

d) Kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2023[7]. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai tại cơ quan, địa phương mình.

Công tác kiểm tra văn bản QPPL: Sở Tư pháp tự kiểm tra 17/17 Quyết định do UBND tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền 07 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành; qua kiểm tra không phát hiện văn bản có sai sót về nội dung, thẩm quyền, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: Được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện văn bản hết hiệu lực thi hành hoặc không còn phù hợp với văn bản mới được ban hành. Trong kỳ báo cáo, tỉnh rà soát được 541 văn bản QPPL[8], UBND tỉnh ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND tỉnh năm 2022[9].

Đồng thời, qua công tác rà soát thường xuyên, các sở ngành tỉnh đề xuất, kiến nghị xử lý đối với 35 VBQPPL không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương. UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các sở, ngành khẩn trương tham mưu xử lý văn bản QPPL không còn phù hợp qua rà soát năm 2022[10]. Đến nay có 25/35 văn bản đã được xử lý, còn 10 văn bản[11] đang tham mưu UBND tỉnh xử lý.

---

[7] Kế hoạch số 384/KH-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản QPPL năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

[8] 153 Nghị quyết của HĐND; 379 Quyết định của UBND; 09 Chỉ thị của UBND và Chủ tịch UBND.

[9] Kết quả: có 66 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ (12 Nghị quyết, 54 Quyết định); 05 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần (01 Nghị quyết, 04 Quyết định).

[10] Công văn số 996/UBND-NC ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh v/v khẩn trương tham mưu xử lý văn bản QPPL không còn phù hợp qua rà soát.

[11] 10 văn bản đang tham mưu UBND tỉnh xử lý:

- Lĩnh vực LĐTB&XH (01): Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 về việc Quy chế độ phối hợp quản lý lao động người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Lĩnh vực KHCN (01): Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 Về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương.
- Lĩnh vực TNMT (02): Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2017Về việc bãi bỏ Khoản 3 Điều 12 Quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Lĩnh vực NN&PTNT (01): Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND Ban hành tiêu chí xác định hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Lĩnh vực Nội vụ (01): Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

Bên cạnh đó, để có cơ sở cung cấp thông tin cho Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương phục vụ kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tiến hành rà soát, báo cáo các khó khăn, tồn tại, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật trong quá trình chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện ở địa phương. Qua rà soát đề xuất xử lý 15 vấn đề có vướng mắc, bất cập trong quy định của các văn bản QPPL Trung ương thuộc các lĩnh vực như công thương, tài nguyên và môi trường, đầu tư...QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Trong 06 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 3890/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; theo đó, giao 11 đơn vị cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá 20 TTHC đơn lẽ nhằm kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, không đáp ứng được các nguyên tắc quy định TTHC tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến, Cụ thể: 697/1.893 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình (36,82%), trong đó cấp tỉnh 511 TTHC, huyện 142 TTHC, xã 44 TTHC; 692/1.893 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần (36,555%), trong đó cấp tỉnh 634 TTHC, huyện 44 TTHC, xã 14 TTHC; 504/1.893 TTHC thực hiện dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến (26,625%), trong đó cấp tỉnh 349 TTHC, huyện 82 TTHC, xã 73 TTHC; Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 về phê duyệt danh mục DVCTT đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 1 (từ ngày 01/6/2023 - 30/9/2023) với 731/1.950 DVCTT đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy (chiếm 37%). Cụ thể: 666/1.667 DVCTT đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy thuộc thẩm quyền giải quyết của sở ban ngành cấp tỉnh (43%); 45/257 DVCTT đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (18%);

- Lĩnh vực Ngoại vụ (02): Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 Ban hành Quy định về phân cấp và quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bình Dương; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương.

- Lĩnh vực GD&ĐT (02): Quyết định số 54/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 33/2005/NQ-HĐND7 ngày 29/7/2005 về mức thu và sử dụng học phí đào tạo hệ chính quy trình độ Cao đẳng (ngoài Sư phạm).

20/136 DVCTT đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (15%).

b) Số TTHC tại địa phương: 1.950 TTHC

- TTHC cấp tỉnh: 1.557;

- TTHC cấp huyện: 257;

- TTHC cấp xã: 136.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh:

Trong 6 tháng đầu năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/5/2023), qua thống kê trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử và báo cáo của các Sở (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải), tổng số hồ sơ tiếp nhận là 119.982 hồ sơ (115.389 hồ sơ đã giải quyết, 4.592 hồ sơ chưa đến hạn giải quyết). Trong đó, số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn là 113.390 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,27%; số lượng hồ sơ trễ hạn đã giải quyết là 1.999 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 1,73% và 01 hồ sơ đã quá hạn chưa giải quyết. Số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết mức độ 3, mức độ 4 là 61.798 hồ sơ (gồm 4.750 hồ sơ mức độ 3 và 57.048 hồ sơ mức độ 4 tại Trung tâm Hành chính công tỉnh), chiếm 51,51% tổng số hồ sơ tiếp nhận. Số hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/5/2023) theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 là 1.044 hồ sơ; số hồ sơ được chuyển trả về địa chỉ của người dân qua đường bưu điện là 31.855 hồ sơ, chiếm 27,61% tổng số hồ sơ đã giải quyết.

Tình hình tiếp nhận và xử lý hồ sơ, tình hình hồ sơ trễ hạn chưa giải quyết trên địa bàn tỉnh thường xuyên được theo dõi, báo cáo hàng ngày theo chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 68/TB-VPTU ngày 29/10/2021. Chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Hành chính công tỉnh) đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, địa phương tập trung xử lý hồ sơ tồn đọng, trễ hạn tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Tính đến ngày 05/6/2023, 2.965/2967 hồ sơ trễ của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đã được đôn đốc, nhắc nhở và giải quyết cho người dân, doanh nghiệp.

+ Đối với cấp huyện: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đều được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Trung tâm phục vụ hành chính công của các huyện, thị xã, thành phố đã tiếp nhận 74.631 hồ sơ TTHC các loại (trong đó, kỳ của quý 1 chuyển qua là 4.203 hồ sơ, nhận mới 70.428 hồ sơ); đã giải quyết 72.018 hồ sơ (trong đó, số lượng hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn là 71.724 hồ sơ (tỷ lệ 99,59%), quá hạn 294 hồ sơ (tỷ lệ 0,41%); hồ sơ chưa đến hạn giải quyết 2.276 hồ sơ; hồ sơ hủy không hợp lệ, người dân rút hồ sơ, hồ sơ không đủ điều kiện, hồ sơ trả lại cho người dân bổ sung hoàn chỉnh là 337.

Nguyên nhân cập nhật hồ sơ giải quyết và trả kết quả trễ hạn trên phần mềm: do phần mềm một cửa điện tử và mạng internet có lúc còn chậm và bị lỗi; một vài công chức, nhân viên đã giải quyết và trả kết quả thực tế đúng hạn nhưng chưa kịp thời luân chuyển và kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử. 100% hồ sơ giải quyết quá hạn đã ban hành Thư xin lỗi và hẹn lại thời gian trả kết quả, đồng thời chủ động gọi điện thoại thông báo trước cho người dân về việc trễ hạn và lý do trễ hạn.

Riêng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ở các huyện, thị xã, thành phố đã tiếp nhận: 91.594 hồ sơ (trong đó có 8.222 hồ sơ quý 1 chuyển sang, 83.372 nhận mới), đã giải quyết 83.210 hồ sơ (hồ sơ đúng hạn là 82.833 hồ sơ chiếm tỷ lệ 99,34% và 377 hồ sơ trễ hạn, chiếm tỷ lệ 0,45%), cơ quan đã gửi văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả; hồ sơ hủy, trả cho dân chỉnh sửa: 1.012 hồ sơ; chưa đến hạn giải quyết 7.372 hồ sơ.

+ Đối với cấp xã: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đều được thực hiện tại Bộ phận một cửa cấp xã. Trong 6 tháng đầu năm 2023, 91 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 261.578 hồ sơ TTHC các loại, đã giải quyết 258.368 hồ sơ, trong đó trả trước và đúng hạn 258.232 hồ sơ (tỷ lệ 99,95%), quá hạn 136 hồ sơ (tỷ lệ 0,05%), hồ sơ đang giải quyết 728 hồ sơ.

- Bố trí nhân sự tại Bộ phận Một cửa và chế độ hỗ trợ: Số lượng nhân sự chính thức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp là 980 người gồm:

Nhân sự thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, trong đó có 569 nhân sự thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC (tỉnh: 40, huyện: 165, xã: 364), 198 nhân sự dự phòng (tỉnh: 30, huyện: 62, xã: 106).

Nhân sự quản lý, hỗ trợ, trong đó có 119 nhân sự là Giám đốc/Trưởng Bộ phận (tỉnh: 19, huyện: 09, xã: 91) và 94 nhân sự là Phó Giám đốc/Phó Trưởng Bộ phận (huyện: 5, xã: 89).

Nhân sự chính thức bố trí làm việc tại Bộ phận Một cửa (Giám đốc/Trưởng, Phó Giám đốc/Phó Trưởng Bộ phận, nhân sự tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả) các cấp hiện nay được hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ trang bị đồng phục 5.000.000 đồng/người/năm để thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện truyền thông, tuyên truyền về cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan, đơn vị cập nhật 485 TTHC chuẩn hóa, 14 TTHC mới, 112 TTHC sửa đổi và 09 TTHC bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, địa phương theo Quyết định công bố được ban hành.

Tiếp tục bố trí 02 khu vực hướng dẫn DVC trực tuyến và duy trì bố trí trang thiết bị (18 máy tính, 01 máy scan, 04 photocopy tích hợp scan và 05 máy tính bảng...) phục vụ người dân, doanh nghiệp thực hiện DVC trực tuyến tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 05/6/2023: thực

hiện tuyên truyền qua Cổng Hành chính công tỉnh Bình Dương trên Zalo, Facebook với 5.084 người quan tâm, theo dõi; đăng 98 bài viết với 6.017 lượt xem. Đồng thời, trả lời 143 tin nhắn của người dân, doanh nghiệp liên quan đến việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Công tác hỗ trợ, hướng dẫn DVC trực tuyến (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/05/202) có 29.508 lượt hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện DVC trực tuyến gồm 9.829 lượt hướng dẫn của cán bộ, công chức và 19.679 lượt hướng dẫn của tình nguyện viên (3.752 hướng dẫn về tạo tài khoản trên Cổng DVC quốc gia, DVC tỉnh, 5.756 nộp hồ sơ trực tuyến; 6.148 scan hồ sơ và 3.856 hướng dẫn khác như lấy số thứ tự, vị trí quầy làm việc của các sở, ban, ngành,...). Số lượt trực của tình nguyện viên là 1.444 lượt.

- Kết quả Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Bộ Chỉ số 766): Kết quả ghi nhận ngày 05/06/2023, tỉnh Bình Dương đạt 62,6/100 điểm, xếp hạng 30/63 tỉnh, thành phố trên cả nước (gồm Công khai minh bạch đạt 8/18 điểm, tiến độ giải quyết đạt 18,3/20 điểm, cung cấp dịch vụ trực tuyến đạt 9,2/22 điểm, mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm và số hóa hồ sơ đạt 9,1/22 điểm).

- Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS):

Đối với SIPAS năm 2022 do Bộ Nội vụ triển khai: Ngày 19/4/2023, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã tổ chức Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2022. SIPAS năm 2022 của tỉnh Bình Dương đạt 85,52%, chiếm 8,67/100 điểm Chỉ số CCHC, SIPAS tỉnh Bình Dương cao hơn kết quả SIPAS chung toàn quốc là 5,44% (SIPAS chung toàn quốc đạt 80,08%). So với năm 2021, SIPAS năm 2022 tỉnh Bình Dương giảm 2,26%. Tuy nhiên có sự cải thiện về kết quả xếp hạng, tăng 18 hạng, từ hạng 22/63 tỉnh, thành phố lên hạng 04/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong nhóm các tỉnh miền Đông Nam Bộ, tỉnh Bình Dương xếp hạng 01/8 tỉnh, thành phố. Trong nhóm đơn vị các tỉnh loại II, tỉnh Bình Dương xếp hạng 04/37 tỉnh, thành phố.

Đối với SIPAS năm 2022 do tỉnh triển khai: Ngày 17/5/2023, UBND tỉnh Bình Dương đã tổ chức Hội nghị công bố kết quả SIPAS và Chỉ số CCHC của các cơ quan, địa phương (17 sở, ban, ngành trừ Văn phòng UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh, 09 UBND huyện, thị xã, thành phố và 91 UBND xã, phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh năm 2022. Kết quả SIPAS năm 2022 toàn tỉnh đạt 88,84%, thấp hơn kết quả SIPAS năm 2021 là 3,31% (kết quả SIPAS năm 2021 đạt 92,15%). Trong đó, Kết quả SIPAS cấp tỉnh đạt 87,74%, kết quả SIPAS cấp huyện đạt 86,82%, kết quả SIPAS cấp xã đạt 90,30%. Riêng kết quả SIPAS năm 2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố là 81,56%, thấp hơn kết quả SIPAS năm 2021 là 10,61%.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong 6 tháng đầu năm 2023 tổng số phản ánh, kiến nghị: 957, trong đó: đã xử lý, trả lời: 526 đạt 54.96%, còn 431 phản ánh, kiến nghị trong hạn giải quyết.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định đổi tên cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hội trên địa bàn thị xã Tân Uyên thành thành phố Tân Uyên; Quyết định tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao, Trung tâm Văn hóa), Sở Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp). Văn bản góp ý dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; góp ý dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính đơn vị sự nghiệp công lập; Báo cáo sơ kết Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với mô hình hoạt động của Nhà thiếu nhi cấp huyện, UBND tỉnh đang trình xin ý kiến kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy để sắp xếp thống nhất mô hình hoạt động.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, Sở Nội vụ đã nghiên cứu thẩm định, góp ý quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 08 Sở[12] và 11 đơn vị trực thuộc[13].

- Thực hiện yêu cầu của Bộ Nội vụ về rà soát, hoàn thiện danh mục cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp, UBND tỉnh đã triển khai cho các cơ quan, đơn vị thực hiện kịp thời.

- Ngay từ đầu năm, căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tổng biên chế năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội có tính chất đặc thù tỉnh Bình Dương năm 2023; Quyết định điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp thuộc theo quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; trình HĐND tỉnh về việc hợp đồng thực hiện công tác chuyên môn,

---

12 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Ngoại vụ

13 Trung tâm Xúc tiến du lịch; Trung tâm Văn hóa; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao; Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh; Trung tâm Quy hoạch, phát triển đô thị tỉnh; Trung tâm Công nghệ thông tin – Lưu trữ tài nguyên và môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Chi cục Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Ban Tôn giáo; Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp.TDM

nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024.

- Tỉnh đã báo cáo Bộ Nội vụ sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

- Về tinh giản biên chế, hiện nay, UBND tỉnh đang trình xin chủ trương thực hiện tinh giản biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2026.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về công tác quản lý công chức, viên chức

- Ủy ban nhân nhân dân tỉnh tiếp tục triển khai nhiều biện pháp nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật về quản lý, sử dụng, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức. Việc tiếp nhận, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, nâng bậc lương, bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch ... đều thực hiện chặt chẽ, đúng quy định.

- Trong 6 tháng đầu đăm, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 09 cán bộ; giải trình một số nội dung theo Thông báo kết luận số 6619/KL-BNV ngày 23/12/2022 của Bộ Nội vụ về kết luận kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực Nội vụ do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành năm 2022.

- Về Thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý: UBND tỉnh đã tổ chức thi tuyển chức danh Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng tổ chức thi tuyển các chức danh, lãnh đạo quản lý theo yêu cầu.

- Về Thi tuyển công chức; xét tuyển viên chức năm 2023: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch, thành lập Hội đồng, các Ban của Hội đồng; thông báo nhu cầu, tiếp nhận hồ sơ và tổng hợp, công khai danh sách những thí sinh đủ điều kiện tham gia thi tuyển công chức, xét tuyển viên chức theo quy định.

- Về Thi thăng hạng: UBND tỉnh đã tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính và giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính năm 2022. Kết quả, có 5 thí sinh trúng tuyển thăng hạng lên giảng viên chính và 21 thí sinh trúng tuyển thăng hạng lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính.

- Về xây dựng các Nghị quyết đặc thù: UBND tỉnh đã xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ chi cho công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi, xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quy định chế độ hỗ trợ đối với viên chức đang

công tác tại Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm về lĩnh vực Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ căn cứ thẩm quyền được giao tham mưu ban hành: Thỏa thuận bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các trường hợp (TH) sau: 125 TH; Nghỉ hưu: 30 TH; Thôi việc: 07 TH; Nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức giữ ngạch chuyên viên chính, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II: 70 TH; Thỏa thuận nâng bậc lương trước hạn do lập thành tích xuất sắc: 1846 TH; Thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu: 08 TH; Phụ cấp thâm niên nghề: 20 TH; Điều động: 58 TH; Thỏa thuận liên hệ chuyển công tác: 30 TH; Tiếp nhận vào công chức, viên chức: 63 TH; Hợp đồng lao động phục vụ hoạt động thu phí: 42 TH; Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 25 TH; Thỏa thuận chuyển ngạch đối với công chức: 33 TH; Thỏa thuận chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức: 30 TH; Thỏa thuận bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức: 378 TH; Thỏa thuận cho viên chức ngành giáo dục và đào tạo liên hệ chuyển công tác ra ngoài tỉnh: 52 TH; Xác nhận thang bảng lương theo bộ luật lao động: 13 TH.

b) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2023 và Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023-2025; qua đó, đã cử: 03 trường hợp học Sau đại học; 35 trường hợp học Chuyên khoa I; 60 trường hợp học đại học; 79 trường hợp dự lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch CVC; 03 trường hợp tham gia bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở; giải quyết chế độ thu hút 40 viên chức y tế được tuyển dụng về công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập của tỉnh; Quyết định bồi hoàn chế độ hỗ trợ 01 lần và chế độ thu hút đối với 04 viên chức ngành Y tế do chưa công tác đủ thời gian cam kết đã xin thôi việc.

- Báo cáo sơ kết Chương trình số 19-CTr/TU ngày 31/5/2021 của Tỉnh ủy về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương theo yêu cầu của HĐND tỉnh.

- Trình HĐND tỉnh Nghị quyết về nội dung chi, mức chi công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ thẩm quyền được giao, Sở Nội vụ ban hành quyết định cử: 19 viên chức các đơn vị sự nghiệp y tế đi học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; 01 viên chức Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương đi học lớp đào tạo nghề Luật sư; cử 09 công chức tham dự khóa bồi dưỡng Nghiệp vụ Thanh tra viên năm 2023; cử 168 học viên tham dự lớp QLNN ngạch CV; 288 học viên tham dự Lớp bồi dưỡng chuyển đổi số cho lãnh đạo, quản lý năm 2023 (04 lớp); 109 học viên tham dự Lớp bồi dưỡng kỹ năng làm việc độc lập và tư duy sáng tạo năm 2023; 110 học viên tham dự Lớp bồi dưỡng kỹ năng lập kế

hoạch, chương trình công tác năm 2023; 160 học viên tham dự Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ năm 2023.

- Về tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng: Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023, tỉnh đã tổ chức khai giảng 02 khóa bồi dưỡng chuyên viên năm 2023; 01 khóa bồi dưỡng chuyên viên chính; 01 lớp bồi dưỡng kiến thức QPAN đối tượng 3 năm 2023; 04 lớp tập huấn về văn hóa công sở, kỹ năng giao tiếp ứng xử cho công chức bộ phận 1 cửa cấp tỉnh, huyện, xã: 296 học viên

5. Cải cách tài chính công

a) Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023

- Về thu ngân sách: Theo dự báo của các cơ quan thu, tổng thu từ kinh tế - xã hội ước thực hiện 31.550 tỷ đồng, đạt 48% dự toán Thủ tướng Chính phủ (TTCP) giao và đạt 42% dự toán Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh thông qua, bằng 91% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó: thu nội địa 23.850 tỷ đồng, đạt 53% dự toán TTCP giao và đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2022; thu từ lĩnh vực xuất, nhập khẩu 7.700 tỷ đồng, đạt 38% dự toán TTCP giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 71% so với cùng kỳ năm 2022.

- Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách địa phương[14] ước thực hiện 7.330 tỷ đồng, đạt 24% dự toán HĐND tỉnh thông qua[15], bằng 105% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 3.353 tỷ đồng, đạt 18% dự toán, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 3.350 tỷ đồng, đạt 18% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

+ Chi thường xuyên 3.971 tỷ đồng, đạt 38% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 92% so với cùng kỳ năm 2022. Các nhiệm vụ chi thường xuyên được thực hiện theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị sử dụng ngân sách.

+ Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 5 tỷ đồng.

b) Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Giá trị giải ngân kế hoạch giao trong năm 2023 đến ngày 05/6/2023 là 2.207.439 triệu đồng, đạt 12,017% so với kế hoạch năm 2023 (Kế hoạch vốn năm 2023 là 18.368.639 triệu đồng).

c) Về tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách, cụ thể tại các báo cáo như sau:

- Báo cáo số 77/BC-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

---

[14] Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương không bao gồm bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 3.245 tỷ đồng.

15. Bao gồm dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn đấu giá đất 6.717 tỷ đồng.

- Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

- Báo cáo số 95/BC-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

- Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

d) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

Cơ bản các cơ quan, đơn vị đều thực hiện theo quy định của Luật Quản lý sử dụng tài sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong 6 tháng đầu năm 2023, trên cơ sở tham mưu các ngành, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản để thực hiện theo quy định thuộc[16].

e) Về tình hình đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành công ty cổ phần: Thực hiện Thông báo số 61/TB-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh thông báo ý kiến kết luận và chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Dành, Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo (Sở Tài chính) đã tổng hợp ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo và tham mưu Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 108/QĐ-BCĐ ngày 18/5/2023 Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Triển khai công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin (CNTT):

- Trong 06 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, công tác cải cách hành chính của đơn vị. Trong đó, chú trọng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phát triển dữ liệu số; Chính

---

[16] - Công văn số 1245/UBND-KT ngày 23/3/2023 về việc tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Công văn số 1924/UBND-KT ngày 20/4/2023 về việc rà soát, hoàn thiện các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Tiếp tục áp dụng mức giá quy định tại Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch số 1252/KH-UBND ngày 23/3/2023 về tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Công văn số 2572/UBND-KT ngày 31/5/2023 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15.

- Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên áp dụng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 quy định chi tiết các nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất và Tổ giúp việc của các Hội đồng.

- Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/04/2023 ban hành Quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

quyền số hạ tầng số, kinh tế số và xã hội số. Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Thành phố thông minh Bình Dương; kết nối cơ sở dữ liệu tại Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh; thành lập Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh các huyện, thị xã, thành phố; hoàn thành việc thí điểm Hệ thông thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ...vv.

b) Về hạ tầng kỹ thuật CNTT

- Đến nay, hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT tại cơ quan hành chính các cấp được đầu tư nâng cấp đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo điều kiện kỹ thuật, cung cấp các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 100% cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã đã được đầu tư hoàn chỉnh hệ thống mạng nội bộ; thiết bị phần cứng, đường Internet, Mạng truyền số liệu chuyên dùng được đầu tư tương đối bài bản, đảm bảo an toàn thông tin, cơ bản đáp ứng nhu cầu xử lý nghiệp vụ của các cơ quan, cung cấp các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hệ thống truyền hình trực tuyến với 120 điểm cầu; kết nối 4 cấp. Trung tâm dữ liệu tỉnh triển khai tập trung, đồng bộ nhiều nền tảng, phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ xây dựng chính quyền số và đô thị thông minh.

- Các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin được đầu tư theo hướng chuyên dụng, hiện đại, thường xuyên cập nhật, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ theo hướng dẫn của Bộ thông tin và Truyền thông.

c) Về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ Chuyển đổi số:

- Các ứng dụng nền tảng của chính quyền điện tử đang dần được xây dựng hoàn thiện như: các hệ thống dùng chung và các hệ thống thông tin chuyên ngành đã từng bước hiện thực hóa các thành phần trong kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Dương, với trục kết nối dữ liệu nội tỉnh (LGSP) đóng vai trò kết nối đồng bộ dữ liệu giữa các thành phần trong nội bộ chính quyền điện tử tỉnh Bình Dương và kết nối với các hệ thống Chính phủ điện tử của bộ, ngành, Trung ương, với 11 cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin; có khoảng trên 90 phần mềm nội bộ đang được triển khai. Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh đã được thành lập và đi vào hoạt động, có chức năng thu thập cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị, phục vụ đắc lực trong quá trình giám sát, điều hành công việc về mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội của lãnh đạo tỉnh.

- Ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung:

+ Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc và ký số: Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai liên thông 4 cấp, với 583 cơ quan sử dụng. Hầu hết các văn bản ban hành qua phần mềm quản lý văn bản đều sử dụng chữ ký số của cơ quan hoặc cá nhân. Tính đến nay, đã cấp được 3.515 chứng thư số cá nhân, 769 chứng thư số cơ quan và cấp 10.373 tài khoản ký số tập trung cho ngành Giáo dục và Đào tạo.

+ Hệ thống thư công vụ được quản lý, vận hành hoạt động ổn định. Tính đến nay, đã cấp được 7.358 hộp thư điện tử và 1.076 tài khoản định danh. Riêng trong 06 tháng đầu năm, tỉnh đã cấp mới 194 hộp thư điện tử cho các cơ quan, đơn vị sử dụng.

+ Cổng Thông tin điện tử tỉnh: đã từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, cải tiến về mặt kỹ thuật, nội dung, hình thức, bổ sung, nâng cấp một số chức năng đáp ứng các tiêu chí đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông và phục vụ nhu cầu sử dụng tại địa phương. Trong 06 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã tổ chức Lễ công bố Cổng thông tin điện tử tỉnh 3 phiên bản (tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật); thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền với 720 tin, bài; cập 325 văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản quy phạm pháp luật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: đang được triển khai thí điểm với 23/25 dịch vụ công thiết yếu và cung cấp 1.903 trực tuyến cấp tỉnh, huyện, xã. Trong đó, 697 dịch vụ công toàn trình, 692 dịch vụ công trực tuyến một phần, 514 TTHC cung cấp thông tin trực tuyến. Tổng số DVC trực tuyến phát sinh hồ sơ và phát sinh hồ sơ trực tuyến tương ứng là 522 và 414, đạt 79,31% tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến. Tổng hồ sơ của DVCTT toàn tình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến và trực tiếp) và Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình tương ứng là 76.776 và 83.179 đạt 92,3% tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình. Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp) và Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần tương ứng là 40.899 và 46,749 đạt 87,49% tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần. 1.117 DVCTT có phát sinh nghĩa vụ tài chính đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia và trên Cổng DVC của tỉnh.

+ Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh: Với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) được khai thác để kết nối cơ sở dữ liệu của các Sở, ngành, đồng thời triển khai hệ thống báo cáo thông minh để thu thập dữ liệu đối với các cơ quan chưa có hoặc đang quá trình kết nối cơ sở dữ liệu riêng. Hệ thống IOC tỉnh đã thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu rời rạc tại các sở, ban, ngành hình thành dữ liệu tập trung tại IOC. Có 18/19 đơn vị đã kết nối dữ liệu (đơn vị còn lại là Thanh tra tỉnh), thu thập dữ liệu hơn 1.000 chỉ số với tần suất cập nhật ngày, tháng, quý và năm được chia thành các nhóm cơ sở dữ liệu (CSDL) như:

* Nhóm CSDL tổng hợp về kinh tế - xã hội: Hệ thống báo cáo thông minh; hệ thống thông tin quản lý ngân sách; hệ thống thông tin các ngành dọc Hải quan, Kho bạc; ngành Thống kê;

* Nhóm CSDL lĩnh vực chính quyền số: Cổng dịch vụ công, hệ thống tương tác phục vụ người dân 1022, hệ thống văn bản điều hành;

* Nhóm CSDL chuyên ngành lĩnh vực các Sở ngành khối kinh tế: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng;

* Nhóm CSDL chuyên ngành lĩnh vực các Sở ngành văn hóa, xã hội: Y tế, Giáo dục, Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Triển khai chức năng phân tích và dự báo thí điểm phân tích hiệu suất lĩnh vực y tế. Ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo triển khai thí điểm dự báo lượt khám y tế 7 ngày kế tiếp, dự báo tình hình thu ngân sách 3 tháng kế tiếp. Hình

thành các chỉ số chỉ đạo, điều hành với 154 chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, 51 chỉ tiêu thống kê cấp huyện và 26 chỉ tiêu thống kê cấp xã; Bộ chỉ số quản trị công bao gồm: PAR, DTI, PAPI, POBI, PCI, SIPAS; Bộ chỉ số điều hành cấp tỉnh; các chỉ số điều hành: thu, chi ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công, xử lý dịch vụ công, phản ánh, kiến nghị, biến động đất đai, khám chữa bệnh; triển khai xây dựng dashboard theo các chức năng. Tổ chức hệ thống giám sát, điều hành thông minh toàn tỉnh: đến nay, đã có 146 màn hình điều hành, gồm IOC Lãnh đạo tỉnh; 13/19 OC các sở, ban, ngành; 09/09 IOC cấp huyện và phân quyền cấp xã.

+ Hệ thống Đường dây nóng 1022: Trong 06 tháng đầu năm 2023, Hệ thống Đường dây nóng 1022 của tỉnh đã tiếp nhận 2.310 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực của các sở, ngành, địa phương, với 54 cơ quan đầu mối, 460 bộ phận xử lý thông tin (Tỷ lệ xử lý thông tin hỗ trợ từ người dân, doanh nghiệp đạt 85 % trên tổng số phiếu yêu cầu).

+ Ứng dụng di động dùng chung: Tổ chức Lễ công bố Ứng dụng Bình Dương Số; Ứng dụng Chính quyền Số và tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân cài đặt, sử dụng. Đến nay, đã có 26.534 lượt cài đặt ứng dụng Bình Dương Số; 1.190 lượt cài đặt ứng dụng Chính quyền Số.

+ Chuyên trang Chuyển đổi số: Để đẩy mạnh truyền thông và phổ biến các thông tin về chuyển đổi số, các bài học về chuyển đổi số cũng như các văn bản pháp luật, văn bản triển khai liên quan về chuyển đổi số đến người dân và doanh nghiệp, Sở đang xây dựng Trang thông tin Chuyển đổi số tỉnh Bình Dương. Dự kiến, đưa vào vận hành trong tháng 06/2023.

+ Hệ thống thông tin báo cáo tập trung cấp tỉnh: Hệ thống báo cáo LRIS đã được đưa vào triển khai thí điểm đến 100% các đơn vị trên địa bàn tỉnh, với 2.367 tài khoản, 128 báo cáo được thực hiện, kết nối 24 chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Sở đang triển khai kết nối với hệ thống báo cáo Chính phủ với 8 chỉ tiêu theo Công văn số 7798/VPCP-KSTT ngày 18/09/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Về an toàn thông tin mạng:

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị tiếp tục được duy trì ổn định. Đến nay, hầu hết các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đã được trang bị các giải pháp an toàn thông tin như: tường lửa, phần mềm lọc thư rác, phần mềm bảo mật, diệt vi rút, hệ thống cảnh báo truy cập trái phép. Hệ thống mạng cấp xã đã được trang bị thiết bị tường lửa cho 100% UBND các xã, phường, thị trấn. Các Trung tâm dữ liệu của tỉnh đã được triển khai các giải pháp an toàn thông tin hiện đại, phục vụ tốt cho quá trình vận hành, khai thác dịch vụ. Ngoài ra, đã triển khai kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn thông tin; các thiết bị giám sát APT cũng triển khai đến UBND các huyện, thị xã, thành phố và kết nối về hệ thống SOC tỉnh.

- Sở TT&TT đã kiện toàn Đội ứng cứu sự cố về an toàn thông tin; chặn hơn 2.826.870 thư spam, nội dung xấu và virus hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh. Công tác đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đang được triển khai thực hiện, trong đó, có 23 hệ thống thông tin cần phê duyệt theo cấp độ 2, 3.

đ) Kết quả bước đầu về Chuyển đổi số:

- Công tác chuyển đổi số đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện; xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm cần chuyển đổi số. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực của đơn vị để cụ thể hóa việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy Bình Dương về chuyển đổi số.

- Các hoạt động chính quyền số được thúc đẩy, như đưa vào khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung; hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh; Ứng dụng Chính quyền số, Bình Dương số...vv.

- Hoạt động kinh tế số được triển khai theo Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn, với lộ trình thực hiện để kết nối, quảng bá, giới thiệu thêm sản phẩm, các kênh phân phối mới, mở rộng thị trường, góp phần tránh ùn ứ nông sản, giúp người dân giữ giá nông sản, tránh phụ thuộc vào thương lái, trung gian. Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế. Triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số...vv.

- Hoạt động xã hội số tập trung vào công tác hỗ trợ người dân chuyển đổi số. Các tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được kiện toàn, tập huấn, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính thông qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng ứng dụng Bình Dương số, khai thác các thiết bị thông minh.

e) Phát triển nguồn nhân lực CNTT:

- Việc đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 01 lớp nghiệp vụ đấu thầu qua mạng: 51 người; 02 lớp "Đào tạo, Bồi dưỡng kiến thức CNTT cho cán bộ công chức trên địa bàn huyện Phú Giáo: 62 người; 01 lớp tập huấn, hướng dẫn sử dụng chữ ký số, chứng thư số Chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trong tỉnh năm 2023 với 125 người tham dự.

- Tỉnh đang hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành "Dự án đảm bảo nguồn nhân lực CNTT và chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2022-2026", dự kiến phê duyệt trong quý III năm 2023.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các hoạt động lĩnh vực thông tin và truyền thông tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ, nhất là trong công tác thông tin, tuyên truyền, công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Các cơ quan báo chí hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, định hướng của Trung ương, của tỉnh; kịp thời thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các sự kiện, ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh, thông tin nhanh; phản ánh kịp thời thực tiễn cuộc sống và tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân, góp phần định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận trong xã hội, quảng bá hình ảnh của địa phương. Các sở, ngành, địa phương đã thực hiện nghiêm các quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, kịp thời cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí định hướng dư luận xã hội.

- Sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ngay từ những tháng đầu năm 2023 trong việc ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; trong đó tập trung triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Kịp thời phê duyệt, kiện toàn nhân sự một cửa đúng theo tiêu chuẩn, trình độ của Trung ương và tỉnh quy định, đảm bảo hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả của Bộ phận Một cửa các cấp.

Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã đang triển khai cải tạo, nâng cấp, đầu tư các máy móc, trang thiết bị, các dịch vụ tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, triển khai Đề án 06 theo quy định của Trung ương và UBND tỉnh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC.

- Từ ngày 01/6/2023, tỉnh Bình Dương triển khai thực hiện DVC trực tuyến đủ điều kiện và DVC trực tuyến đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1 (từ ngày 01/6/2023 đến ngày 30/9/2023) để tiếp tục được đẩy mạnh triển khai thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả xử lý công việc của các cơ quan hành chính. Ghi nhận những đóng góp, sự hỗ trợ nhiệt huyết của đội ngũ tình nguyện viên trong quá trình triển khai 100% DVC trực tuyến, tỉnh đã kịp thời hỗ trợ cho tình nguyện viên tham gia hướng dẫn DVC trực tuyến tại Bộ phận Một cửa các cấp và tình nguyện viên hướng dẫn TTHC lưu động tại cấp huyện từ ngày 01/01/2023 với mức hỗ trợ là 160.000 đồng/người/ngày.

- Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, cung cấp thêm nhiều dịch vụ phục nhu cầu của người dân, doanh nghiệp như: dịch vụ tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua bưu điện; dịch vụ giao hàng nhanh; dịch vụ thuê bao di động 3G, 4G; dịch vụ internet, truyền hình trả tiền…vv. Công tác chỉnh trang, bó gọn cáp viễn thông cũng đang được các doanh nghiệp triển khai thực hiện, góp phần đảm bảo mỹ quan, đô thị, đảm bảo an toàn cho người dân.

- Các sở, ngành, địa phương đang tăng tốc đẩy mạnh chuyển đổi số sâu, rộng trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ của các ngành, các cấp, tiến tới việc triển khai có hiệu quả, đồng bộ Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh. Nghị quyết về chuyển đổi số, Kế hoạch chuyển đổi số được tỉnh ban hành là tiền đề, tạo cơ sở pháp lý cho các ngành, các địa phương xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện trong thời gian tới, đảm bảo lộ trình, tiến độ đã đề ra. Bên cạnh đó, việc thí điểm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính đã góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân. Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh của tỉnh (IOC) đã giúp lãnh đạo tỉnh giám sát, điều hành; hỗ trợ chỉ huy, ra quyết định; quản lý chất lượng dịch vụ một cách tổng thể, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ, toàn diện. Các Tổ công nghệ số cộng đồng đã hỗ trợ đắc lực cho chính quyền và người dân chuyển đổi số.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Số lượng hồ sơ sao y, chứng thực bản sao điện tử còn chưa cao do nhu cầu của người dân không nhiều, hiện nay các giao dịch người dân, doanh nghiệp hồ sơ vẫn chủ yếu được nộp trực tiếp, người dân chưa có tài khoản trên Cổng DVC Quốc gia và giấy tờ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính hầu như không sử dụng để thực hiện các DVC khác.

- Việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán trực tuyến DVC đã được tỉnh triển khai, tuy nhiên tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia vẫn còn thấp do quy trình thực hiện phức tạp, người dân thường sử dụng phương thức thanh toán trực tiếp và thanh toán không dùng tiền mặt. Điều này dẫn đến kết quả đánh giá việc thanh toán trực tuyến của tỉnh theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ còn thấp.

- Hiện nay chưa có quy định cụ thể về giá trị pháp lý và lưu trữ đối với hồ sơ TTHC điện tử nên việc thực hiện còn chưa thống nhất.

- Bộ chỉ số 766 được ban hành nhưng Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể; điểm số và cách tính điểm của một số nhóm chỉ số, chỉ tiêu, chỉ tiêu thành phần trên Cổng DVC quốc gia chưa rõ ràng; cách thu thập số liệu và đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực nhưng hiện tại dữ liệu chỉ theo tuần. Việc phân quyền tài khoản trên Cổng DVC quốc gia chưa rõ, chưa cho tỉnh xem kết quả chi tiết của tỉnh và phân quyền, cho phép các địa phương cấp huyện, cấp xã được xem kết quả Bộ chỉ số 766 chi tiết của địa phương.

- Khối lượng hồ sơ số hóa của tỉnh hiện nay rất lớn, cán bộ, công chức, viên chức phải kiêm nhiệm nhiều việc hơn về thực hiện số hóa hồ sơ tiếp nhận TTHC, số hóa kết quả giải quyết TTHC hiện nay và những giai đoạn trước nhưng chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật cụ thể để thanh toán cho việc thực hiện số hóa.

- Việc thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc còn chưa triển khai được do chưa có quy định cụ thể về định mức thuê, giao nhiệm vụ nên dẫn đến việc tổ chức đấu thầu không có cơ sở định giá để thực hiện.

- Bộ phận Một cửa các cấp (tập trung tại cấp xã) hiện nay chưa được ngành công an phân quyền để có thể tra cứu tình trạng cư trú của người dân để giải quyết một số TTHC liên quan sau khi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú có hiệu lực sử dụng đến ngày 31/12/2022 (nhất là người dân ở ngoài tỉnh đến Bình Dương cư ngụ, có quá trình tạm trú ở nhiều địa phương khác nhau,...) nên gây khó khăn, mất thời gian khi phải đề nghị người dân đến cơ quan công an để thực hiện xác minh.

- Hiện tại, dữ liệu Đăng ký kinh doanh đã được đấu nối vào cổng dịch vụ công của tỉnh. Dữ liệu đã được chia sẽ để người dân, doanh nghiệp thuận tiện trong việc thực hiện các TTHC trên cổng dịch vụ công của tỉnh (khi người dân, doanh nghiệp nhập mã số doanh nghiệp, các thông tin của doanh nghiệp sẽ được trích xuất và tự động điền vào trong các biểu mẫu). Tuy nhiên, dữ liệu trích xuất chưa được rà soát, kiểm tra do Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa được cung cấp tài khoản tham gia thí điểm phần mềm một cửa tỉnh, đồng thời dữ liệu chưa được trích xuất để thực hiện báo cáo tình hình giải quyết thủ tục hành chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Bình Dương theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Dương năm 2024.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021.

- Đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp thực hiện tái sử dụng trong quá trình nộp hồ sơ TTHC.

- Tiếp tục chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, triển khai Kế hoạch đưa TTHC ngành dọc đủ điều kiện ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; triển khai xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC; triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2023.

- Tiếp tục đẩy mạnh các nhiệm vụ công tác truyền thông, tuyên truyền thông tin về hoạt động một cửa, một cửa liên thông; dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành địa phương cải thiện và nâng cao kết của Bộ chỉ số 766. Thông báo định kỳ kết quả Bộ chỉ số 766 được công bố trên Cổng DVC quốc gia đến sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận Một cửa các cấp.

- Tổ chức sơ kết thực hiện Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Triển khai hướng dẫn chấm điểm chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai tổ chức thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; thi tuyển công chức, xét tuyển viên chức sự nghiệp; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính năm 2023.

- Tập trung triển khai hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 của tỉnh, trong đó tập trung đổi mới phương pháp, chú trọng bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng mềm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tập trung nguồn lực triển khai các dự án thuộc lĩnh vực CNTT được bố trí vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Dương; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành của tỉnh phục vụ công tác theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc của Lãnh đạo.

- Đẩy mạnh công tác thực hiện số hóa hoạt động các cơ quan trên địa bàn tỉnh, kết nối hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần, số hóa hồ sơ cũng như khai thác các tiện ích dịch vụ, CSDL do Trung ương, Bộ ngành cung cấp nhằm phục vụ công tác cải cách hành chính gắn với xây dựng đô thị thông minh.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ:

+ Xem xét, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến tới người dân về lợi ích mang lại của chứng thực bản sao điện tử, khuyến khích người dân đăng ký tài khoản trên Cổng DVC quốc gia, miễn giảm chi phí cho người dân khi thực hiện chứng thực bản sao điện tử. Đồng thời, yêu cầu các cơ quan, tổ chức cung ứng TTHC ngoài nhà nước chấp thuận các văn bản đã được chứng thực điện tử.

+ Xem xét, đơn giản hóa quy trình thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia. Đồng thời ghi nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được

xem như hình thức thanh toán trực tuyến để đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ Chỉ số 766.

+ Kiến nghị Cục kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các tỉnh về triển khai thực hiện Bộ chỉ số 766 nhằm giúp cho địa phương nâng cao chất lượng phục vụ người dân doanh nghiệp thông qua việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số 766. Thực hiện phân quyền tài khoản để địa phương có thể xem chi tiết điểm và danh sách các hồ sơ, TTHC được tính điểm và hiển thị trên Cổng DVC quốc gia (ví dụ: danh sách về TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần và còn lại trong chỉ tiêu về tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến; danh sách của các chỉ tiêu về tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến; tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng DVC quốc gia; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ đồng bộ, kết quả số hóa…).

- Kiến nghị Bộ Công an sớm chia sẻ cơ sở dữ liệu về quá trình cư trú với Cổng DVC quốc gia để Bộ phận Một cửa cấp xã có thể tra cứu mà không yêu cầu người dân phải đi xác minh.

- Kiến nghị Bộ Nội vụ sớm có văn bản quy định về giá trị pháp lý và lưu trữ đối với hồ sơ TTHC điện tử để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ.

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sớm có văn bản quy định, hướng dẫn việc kinh phí để thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; sớm có văn bản hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật để triển khai đấu thầu, lựa chọn đơn vị để giao một số nhiệm vụ mà cơ quan nhà nước không nhất thiết thực hiện theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kiến nghị các bộ, ngành phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện chia sẻ, kết nối dữ liệu Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để giải quyết TTHC cho người dân nhanh chóng, thuận lợi.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XDCQ-CCHC-CTTN, AT (3).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Lý Văn Đẹp

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 78 /BC-SNV ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)*	**Văn bản**	**22**	
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	**%**	**51.79%**	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	56	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	29	
3.	**Kiểm tra CCHC**		-	**Sẽ kiểm tra từ tháng 7/2023**
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	**Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng,**		**0**	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
	quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy *(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)*			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	**0**	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	**0**	
5.	**Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	81	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	65	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	Có = 1; Không = 0	**1**	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	6.530	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Tổng số VBQPPL[1] do đơn vị, địa phương ban hành**	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	17	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	-	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	-	
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	7	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	**Rà soát VBQPPL**			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	541	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	35	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

[1] Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Thống kê TTHC**			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	20	các cơ quan, đơn vị, địa phương đang thực hiện chưa đến thời hạn báo cáo kết quả
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	574	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	09	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại đơn vị, địa phương	Thủ tục	1.950	*TTHC của cơ quan ngành dọc: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 02/2017/TT-VPCP thì UBND tỉnh không có trách nhiệm công bố TTHC của cơ quan ngành dọc do đó việc theo dõi, cập nhật, thống kê TTHC thuộc thẩm*

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				quyền giải quyết của các cơ quan này không thực thực hiện được
1.4.1.	*Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	1.557	
1.4.2.	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	257	
1.4.3.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	136	
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	62	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	157	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	8	
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,27	
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	115.389	
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	113.390	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,59%	
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	72.018	
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	71.724	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng	%	99,95%	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
	hạn			
3.3.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	258.368	
3.3.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	258.232	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	54,96%	
3.4.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	*PAKN*	957	
3.4.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	*PAKN*	526	*Còn 431 PAKN trong hạn xử lý*

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	18/18 đơn vị
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	BQL các KCN
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	539	
1.5.1.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	*Cơ quan, đơn vị*	*9*	
1.5.2.	*Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương*	*Cơ quan, đơn vị*	*109*	
1.5.3.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện*	*Cơ quan, đơn vị*	*421*	
1.5.4.	*Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015*	*%*		
2.	**Số liệu về biên chế công chức**			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.780	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.702	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	197	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	23.042	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23.304	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	11	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		Tổng số người làm việc 2015 là 27.280

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	28	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	11	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	03	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	770	(Xét tuyển viên chức y tế và sự nghiệp khác)
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	27	
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)*	Người	**02**	
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền).*			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	bị kỷ luật.			

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**	**12,02**	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	18.368.639	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.207.439	
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại cơ quan, đơn vị, địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Đơn vị	348	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	21	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	28	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	97	
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*22*	
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*16*	
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*59*	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	202	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến** *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	%		
4.	**Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).**	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%	*100%*	
5.1.2.	*Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%	*100%*	
5.1.3.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.*	%	*100%*	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	*100%*	
5.2.1.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh*	%	*100%*	
5.2.2.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện*	%	*100%*	
5.2.3.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	%	*100%*	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*	*100%*	
5.3.2.	*Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*	*100%*	
5.3.3.	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*	*100%*	
6.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**			
6.1	*Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện*	%	100%	
6.1.1	*Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình*	*Thủ tục*	*697*	
6.1.2	*Số lượng DVCTT toàn trình*	*Thủ tục*	*697*	
6.2	*Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)*	%	*79.31%*	
6.2.1	*Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)*	*Thủ tục*	*522*	
6.2.2	*Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến*	*Thủ tục*	414	
6.3	*Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình*	%	92.3%	
6.3.1.	*Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)*	*Thủ tục*	*83179*	
6.3.2.	*Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình*	*Thủ tục*	*76776*	
6.4.	*Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần*	%	87,5%	
6.4.1.	*Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)*	*Hồ sơ*	*46749*	
6.4.2.	*Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần*	*Hồ sơ*	*40899*	
6.5.	*Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến*	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
6.5.1.	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*	*1117*	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	*Thủ tục*	*1117*	